

Bản án số: 45/2022/DS-ST

Ngày: 29-12-2022

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Lưu Thị Hùng

**- Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Chau Khon Sốc;

2. Ông Hồ Văn Dũng.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đặng Văn Việt là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn tham gia phiên tòa:**  
Bà Bùi Thị Thái Hòa-Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 173/2022/TLST-DS ngày 12 tháng 7 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 147/2022/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 65/2022/QĐST-DS ngày 13 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Đỗ Minh C**, sinh năm 1955 (vắng mặt);

Địa chỉ: **Số A T, khóm D, thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang;**

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Lê Huệ M**, sinh năm 1968; địa chỉ: **Tổ A, ấp P, xã A, huyện T, tỉnh An Giang** (có mặt);

2. Bị đơn:

**Hồ Thị D**, sinh năm 1973 (vắng mặt);

**Nguyễn Hữu T**, sinh năm 1974 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: **Tổ F, ấp N, xã A, huyện T, tỉnh An Giang;**

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo nội dung đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn **Đỗ Minh C** do ông **Lê Huệ M** đại diện trình bày:

Do là chỗ quen biết trong việc làm ăn nên ông **T**, bà **D** có đến gặp ông **C** vay tiền nhiều lần và trả tiền đúng hạn; đến ngày 17/6/2021 ông **C** cho ông **T**, bà **D** vay số tiền 60.000.000 đồng có Hợp đồng vay cùng ngày, lãi suất thỏa thuận theo gói vay đáo hạn ngân hàng, ông **T**, bà **D** trả tiền rất đúng hạn, đến ngày 22/3/2022 ông **T** và bà **D** tiếp tục vay số tiền 25.000.000 đồng có lập Hợp đồng vay cùng ngày với thời hạn vay là 10 ngày, lãi suất thỏa thuận. Từ ngày vay 22/3/2022 đến nay ông **T**, bà **D** không trả tiền vốn lãi dù ông **C** đã nhiều lần nhắc nhở yêu cầu thực hiện nghĩa vụ nhưng ông **T**, bà **D** vẫn cố tình trốn tránh không trả nợ, nay yêu cầu Tòa án buộc ông **T**, bà **D** trả số tiền vay là 85.000.000 đồng và tiền lãi là 1.360.000 đồng theo mức lãi suất quy định pháp luật là 1,6%/tháng. Tổng cộng là 86.360.000 đồng. Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền vay 85.000.000 đồng không yêu cầu trả tiền lãi.

Bị đơn **Nguyễn Hữu T**, **Hồ Thị D** vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không ghi nhận được ý kiến.

Quá trình tố tụng, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt các văn bản tố tụng, triệu tập bị đơn đến làm việc nhưng bị đơn không chấp hành dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, Tòa án Căn cứ vào khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng Dân sự xác định đây là vụ án dân sự không tiến hành hòa giải được và quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử sơ thẩm, Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã tuân thủ và chấp hành đúng trình tự quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tuy nhiên, còn vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử, việc tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự, đương sự nguyên đơn đã chấp hành và thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71, 85, 86 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, bị đơn chưa chấp hành và thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, việc vắng mặt là tự từ bỏ quyền lợi của mình nên Tòa án xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Theo Hợp đồng cho vay tiền ngày 22/3/2022 và Hợp đồng vay tiền cam kết trả nợ ngày 17/6/2021 có chữ ký, điểm chỉ của bị đơn thể hiện có phát sinh giao dịch vay tiền, nguyên đơn có cho bị đơn vay số tiền 85.000.000 đồng nhưng bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng hạn cho nguyên đơn nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền vay là có cơ sở chấp nhận.

Về số tiền lãi các bên thỏa thuận theo lãi suất vay đáo hạn ngân hàng nhưng thỏa thuận về tiền lãi này là không rõ ràng nên cần điều chỉnh xem xét về tiền lãi theo quy định của Bộ luật Dân sự. Tuy nhiên, tại phiên tòa đại diện nguyên đơn xác định tự nguyện rút yêu cầu về tiền lãi đối với số tiền 1.360.000 đồng.

Xét yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận buộc ông **Nguyễn Hữu T**, bà **Hồ Thị D** phải có trách nhiệm liên đới trả số tiền 85.000.000 đồng cho nguyên đơn và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về tiền lãi của nguyên đơn đối với số tiền 1.360.000 đồng.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 12 tháng 5 năm 2022 ông **Đỗ Minh C** có đơn khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông **Nguyễn Hữu T**, bà **Hồ Thị D** trả số tiền vay và lãi là 86.360.000 đồng. Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về hợp đồng dân sự “Hợp đồng vay tài sản”, ông **T**, bà **D** cùng cư trú tại **tổ F, ấp N, xã A, huyện T**, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn **Nguyễn Hữu T**, **Hồ Thị D** đã được Tòa án triệu tập, tổng đạt hợp lệ nhiều lần văn bản tố tụng nhưng cố tình vắng mặt và vắng mặt tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành hoãn phiên tòa lần thứ nhất theo Quyết định hoãn phiên tòa số 65/2022/QĐST-DS ngày 13/12/2022 và mở lại phiên tòa lần thứ hai nhưng bị đơn tiếp tục vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quyền khởi kiện:

Vào các năm 2021, 2022 nguyên đơn cho bị đơn lần lượt vay tiền chia làm 02 đợt gồm:

Đợt 1 ngày 17/6/2021 cho vay số tiền 60.000.000 đồng, có lập hợp đồng cho vay tiền và cam kết trả nợ cùng ngày, thời hạn vay không xác định, lãi suất thỏa thuận theo gói vay đáo hạn ngân hàng tính từ ngày nhận tiền vay.

Đợt 2 ngày 22/3/2022 cho vay số tiền 25.000.000 đồng, có lập hợp đồng cho vay tiền cùng ngày, thời hạn vay 10 ngày từ ngày 22/3/2022 đến ngày 31/3/2022, lãi suất thỏa thuận theo gói vay đáo hạn ngân hàng tính từ ngày nhận tiền vay.

Cả 02 hợp đồng vay này ông **T**, bà **D** đều có ký tên, điểm chỉ.

Xét thấy, khi thực hiện hợp đồng vay tài sản các bên có lập văn bản thể hiện việc vay tiền và lãi suất, đối với hợp đồng vay tài sản ngày 17/6/2021 các bên không thỏa thuận thời hạn kết thúc hợp đồng; đối với hợp đồng ngày 22/3/2022 các bên thỏa thuận thời hạn kết thúc là ngày 31/3/2022. Bên cho vay đã thực hiện nghĩa vụ giao đầy đủ số tiền vay 02 đợt là 85.000.000 đồng cho bị đơn nhưng bị đơn chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả tiền vay và lãi nên việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền vay và lãi là có cơ sở. Tuy nhiên, tại phiên tòa đại diện nguyên đơn thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện không yêu cầu trả tiền lãi chỉ yêu cầu nhận lại số tiền vốn vay, đây là quyền quyết định tự định đoạt của

đương sự phù hợp với quy định tại Điều 5 và Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về lãi suất: Theo hợp đồng vay các bên có thỏa thuận cho vay với mức lãi suất theo gói vay đáo hạn ngân hàng thỏa thuận này là chưa cụ thể rõ ràng về lãi suất, lẽ ra khi có yêu cầu xem xét về tiền lãi, mức lãi suất cần được xem xét điều chỉnh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự “Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ”. Tuy nhiên, đại diện nguyên đơn xác định không yêu cầu bị đơn trả tiền lãi là hoàn toàn tự nguyện và có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận không xem xét về số tiền lãi bị đơn lẽ ra phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn theo quy định pháp luật.

[3] Xét về hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn và bị đơn được xác lập trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận, mục đích và nội dung giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, các chủ thể tham gia có năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự phù hợp, nên có hiệu lực làm phát sinh các quyền và nghĩa vụ với nhau khi tham gia giao dịch. Nguyên đơn đã thực hiện đúng nghĩa vụ giao cho bị đơn đủ số tiền 85.000.000 đồng, nhưng bị đơn chưa thực hiện đúng nghĩa vụ hoàn trả tiền vay cho nguyên đơn. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn **Nguyễn Hữu T, Hồ Thị D** phải có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn số tiền vay 85.000.000 đồng là phù hợp.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn **Nguyễn Hữu T, Hồ Thị D** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo mức án phí có giá ngạch trên số tiền 85.000.000 đồng. Nguyên đơn **Đỗ Minh C** không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện việc miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo Thông báo số 96/TB-TA ngày 04 tháng 7 năm 2022 do ông **C** là đối tượng được miễn tiền tạm ứng án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 5, Điều 244, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 357 và Điều 288 Bộ luật Dân sự;

Điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông **Đỗ Minh C** đối với ông **Nguyễn Hữu T**, bà **Hồ Thị Diễm**.

Buộc ông **Nguyễn Hữu T**, bà **Hồ Thị D** phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông **Đỗ Minh C** số tiền 85.000.000 đồng (tám mươi lăm triệu đồng).

Đình chỉ xét xử yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn phần yêu cầu đã rút về số tiền lãi 1.360.000 đồng (một triệu ba trăm sáu chục ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

## 2. Về án phí:

Ông **Nguyễn Hữu T**, bà **Hồ Thị D** phải chịu 4.250.000 đồng (bốn triệu hai trăm năm chục ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông **Đỗ Minh C** không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

### **Nơi nhận:**

- VKSND huyện Tri Tôn;
- THADS huyện Tri Tôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lưu Thị Hùng**

